

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-BTP ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 791/TTr-STP ngày 26/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục gồm 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp tổ chức thực hiện công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm được quy định tại Quyết định này; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định; thực hiện thống kê, báo cáo tình hình thực hiện các thủ tục này, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa (nếu có); xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

a) Đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính và xây dựng/thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố ngay sau khi nhận được Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính này được công bố tại các Quyết định trước đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, NC, NN&MT, Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.A.Tuấn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)									
1.	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP). - Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với	Không cắt giảm thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các xã, phường, đặc khu	- Nộp trực tiếp: Biểu phí kèm theo. - Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ ngày 01/7/2025 đến hết		X	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của

			<p>đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>			ngày 31/12/2026			<p>HĐND thành phố Hải Phòng (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</p>
2.	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm	Không cắt giảm thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính	- Nộp trực tiếp: Biểu		X	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP

		<p>bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p>	<p>việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP</i>).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng</p>		<p>công thành phố và các xã, phường, đặc khu</p>	<p>phí kèm theo.</p> <p>- Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026</p>		<p>ngày 30/11/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</p>
--	--	---	--	--	--	--	--	--

			<p>ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>						
3.	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP</i>).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	Không cắt giảm thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các xã, phường, đặc khu	<p>- Nộp trực tiếp: Biểu phí kèm theo.</p> <p>- Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026</p>	X	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <p>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của</p>	

			<p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>						HĐND thành phố Hải Phòng.
4.	1.011444	<p>Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p>	<p>- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP</i>).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp</p>	Không cắt giảm thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các xã, phường, đặc khu	<p>- Nộp trực tiếp: Biểu phí kèm theo.</p> <p>- Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026</p>		X	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của</p>

			<p>nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>						<p>HĐND thành phố Hải Phòng (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</p>
5.	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp	- Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan	Không cắt giảm thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	- Nộp trực tiếp: Biểu phí kèm theo.		X	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ;

		<p>đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất</p>	<p>đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP</i>).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng</p>		<p>phố và các xã, phường, đặc khu</p>	<p>- Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026</p>			<p>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương (cũ).</p> <p>- Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</p>
--	--	--	---	--	---------------------------------------	---	--	--	--

			<p>ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

PHẦN II**BIỂU PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

(Theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các trường hợp miễn thu phí: Các cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2025/NĐ-CP.

3. Mức thu phí:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu phí		
			Đất	Tài sản	Đất + Tài sản
I	ĐỐI VỚI CÁ NHÂN				
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	120.000	150.000	180.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	115.000	145.000	175.000
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	120.000	150.000	180.000

b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	115.000	145.000	175.000
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	120.000	145.000	175.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	115.000	140.000	170.000
4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	120.000	150.000	185.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	115.000	145.000	180.000
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận		150.000	
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận		145.000	

II	ĐỐI VỚI TỔ CHỨC				
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	280.000	280.000	350.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	275.000	275.000	345.000
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	280.000	280.000	350.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	275.000	275.000	345.000
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	280.000	280.000	350.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	275.000	275.000	345.000

4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	265.000	275.000	350.000
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận	260.000	270.000	345.000
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất				
a	Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/Giấy chứng nhận		280.000	
b	Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/Giấy chứng nhận		275.000	